



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3896 0240 - Fax: (08) 3896 0241

Website: www.capnuocthuduc.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
NĂM 2014

Tp.HCM, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	3
I. Thông tin tổng quát	3
II. Quá trình hình thành và phát triển.	3
2.1 Quá trình thành lập	3
2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần	3
2.3 Niêm yết chứng khoán	4
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh	4
3.2 Địa bàn kinh doanh	5
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4.1 Mô hình quản trị.....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
V. Định hướng phát triển.....	6
5.1 Các mục tiêu chủ yếu	6
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	6
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.....	6
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014	7
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014	7
II. Tổ chức nhân sự.....	8
2.1 Số lượng CBCNV	8
2.2 Chính sách đối với người lao động	8
III. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	9
IV. Tình hình tài chính	10
4.1 Tình hình tài chính	10
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	10
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	11
5.1 Cổ phần	11
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	11
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	11
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ	11
5.5 Các chứng khoán khác	11
5.6 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.....	11
PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12

1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu	12
1.2 Những tiên bộ đã đạt được	17
II. Tình hình tài chính	18
2.1 Tình hình tài sản	18
2.2 Tình hình nợ phải trả	18
III. Kế hoạch phát triển năm 2015	18
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT	20
1.1 Sản lượng nước tiêu thụ	20
1.2 Tổng doanh thu	20
1.3 Lợi nhuận sau thuế	20
II. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành	20
III. Định hướng của HĐQT	21
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
I. Hội đồng quản trị	22
1.1 Thành viên và cơ cấu	22
1.2 Tóm tắt lý lịch	22
1.3 Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	24
1.4 Hoạt động của HĐQT	24
1.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành	25
1.6 Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị	25
II. Ban Kiểm soát.....	26
2.1 Thành viên và cơ cấu	26
2.2 Tóm tắt lý lịch	26
2.3 Hoạt động của Ban kiểm soát.....	27
III. Ban Điều hành	28
3.1 Thành viên và cơ cấu	28
3.2 Tóm tắt lý lịch	29
IV. Một số nội dung khác liên quan đến HĐQT, BKS, BDH	29
4.1 Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, BDH	29
4.2 Các khoản lương, thù lao của HĐQT.....	30
4.3 Các khoản lương, thù lao của Ban kiểm soát.....	30
4.4 Các khoản lương, thù lao của Ban điều hành và viên chức quản lý	31
4.5 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	31
4.6 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	31
PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014	33

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 8 Không Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (08) 3896 2040.
- Fax: (08) 3896 0241.
- Website: www.capnuocthuduc.vn
- Mã chứng khoán: TDW

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

2.1 Quá trình thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có lịch sử hình thành như sau:

Ngày 31/07/1992 Sở Giao thông Công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;

Ngày 12/01/2005, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức;

Ngày 31/8/2005 Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn;

2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

2.3 Niêm yết chứng khoán.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.

- lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Khu vực quận 2, quận 9, quận Thủ Đức và một phần tỉnh Bình Dương.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

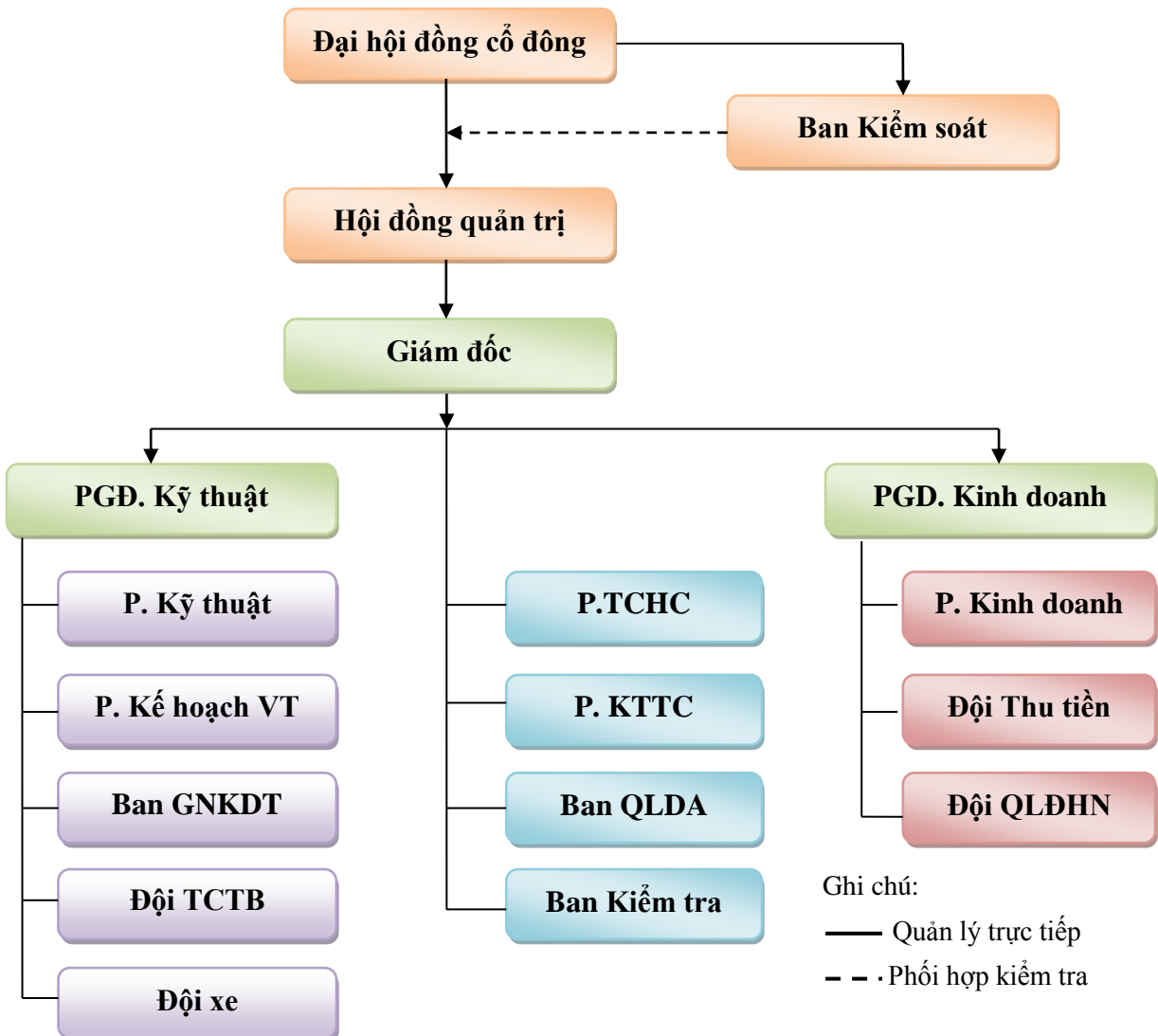
4.1 Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành (đứng đầu là Giám đốc).

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiếp tục duy trì công tác từ thiện, góp phần chăm lo cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
A. KINH DOANH				
1. Nước cung cấp	1000m ³	50.190	50.403	100,42
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	451.533	452.231	100,15
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99	99,68	100,69
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	12.000	12.080	100,67
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	15.000	21.146	140,97
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	30	46	153,33
7. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	95,04	97,60	Vượt 2,56%
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	21,98	20,31	Vượt 1,67%
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước vốn Tổng công ty				
- Số lượng dự án	dự án	6	6	100,00
- Khối lượng đường ống	mét	35.240	1.000	2,8
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	56.627	1.707	3,01
1. Phát triển mạng lưới cấp nước vốn công ty				
- Số lượng dự án	dự án	8	7	87,50
- Khối lượng đường ống	mét	40.794	36.070	88,42
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	54.356	52.244	96,11
2. Cải tạo mạng lưới cấp nước:				
- Số lượng dự án	dự án	3	3	100,00
- Khối lượng đường ống	mét	6.717	6.717	100,00
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	12.490	10.230	81,91

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số cán bộ, nhân viên: 350 người, trong đó:
- Trên đại học: 04 người.
- Đại học: 86 người.
- Cao đẳng: 27 người.
- Trung học chuyên nghiệp: 50 người.
- Công nhân kỹ thuật: 153 người.
- Chưa qua đào tạo: 30 người.

2.2 Chính sách đối với người lao động:

2.2.1 Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

2.2.2 Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Năm 2014, Công ty phối hợp với Trung tâm Đào tạo ngành nước Miền nam để mở lớp đào tạo nâng cao tay nghề cho 56 công nhân lao động. Ngoài ra, công ty còn cử 131 cán bộ công nhân lao động tham gia nhiều lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn.

2.2.3 Chính sách lương, thưởng:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong công ty được xếp theo

thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Hàng tháng, người lao động được lĩnh lương theo lương cơ bản và lương năng suất .

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

2.2.4 Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động, như đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNLD khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNLD. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để hỗ trợ cho con CBCNLD có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNLD.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNLD theo quy định.
- Mua bảo hiểm rủi ro; bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.
- Tặng quà sinh nhật cho CBCNLD, mỗi phần quà trị giá 300.000 đồng.
- Chi quà Tết Nguyên đán cho CBCNLD là 1.000.000 đ/phần quà.
- Tổng số tiền ủng hộ cho các hoạt động xã hội, từ thiện là 411 triệu đồng

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2014, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triển khai thực hiện nhiều dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, trong đó một số dự án có vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng gồm:

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
I. Công trình vốn Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn			
1	PTMLCN các hẻm phường PHú Hữu, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Hiệp Phú, Q9	4.803	7,9
2	PTMLCN phường Long Trường, quận 9	6.978	11,4
3	PTMLCN phường Long Thạnh Mỹ, Tân Phú, Q9	5.495	9,1
4	PTMLCN các hẻm phường Trường Thạnh, Long Bình, Long Phước, quận 9	6.265	9,4
5	PTMLCN phường Tam Bình, Tam Phú, Q.Đ	6.258	11,0

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
II Công trình vốn Công ty			
1	Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 6	5.187	6,0
2	Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 7	6.392	7,8
3	Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 8	14.278	13,6
4	PTMLCN phường Long Phước, quận 9	6.300	6,0

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: không có.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	333.058.142.993	366.787.916.833	10,13
Doanh thu thuần	428.945.104.331	465.110.515.453	8,43
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.002.023.162	30.130.939.131	20,51
Lợi nhuận khác	2.123.299.712	778.926.769	-63,32
Lợi nhuận trước thuế	27.125.322.874	30.909.865.900	13,95
Lợi nhuận sau thuế	21.456.082.108	24.192.210.260	12,75

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Nội dung	Đvt	Kỳ trước (2013)	Kỳ báo cáo (2014)
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)		1,28	1,14
	Hệ số thanh toán nhanh		1,21	1,07
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,6	0,62
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		1,53	1,61
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
	Vòng quay hàng tồn kho		28,12	28,14
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1,29	1,27
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	Hs lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5,00	5,20
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		16,29	17,22
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6,44	6,60
	Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần		5,83	6,48

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 07/5/2014 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 07/5/2014 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam cung cấp).

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông nhà nước	4.335.000	51,00
2	Cổ đông sáng lập		
	<i>Trong nước</i>	4.335.000	54,00
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
3	Cổ đông lớn		
	<i>Trong nước</i>	7.999.720	94,11
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
4	Công đoàn công ty		
	<i>Trong nước</i>	-	-
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-
7	Cổ đông khác	500.280	5,89
	<i>Trong nước</i>	301.020	3,55
	<i>Nước ngoài</i>	199.260	2,34

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

5.6 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn: Không có

PHẦN III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu.

Mặc dù năm 2014 Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do các yếu tố biến động giá thị trường, thiếu nguồn vốn để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước... Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

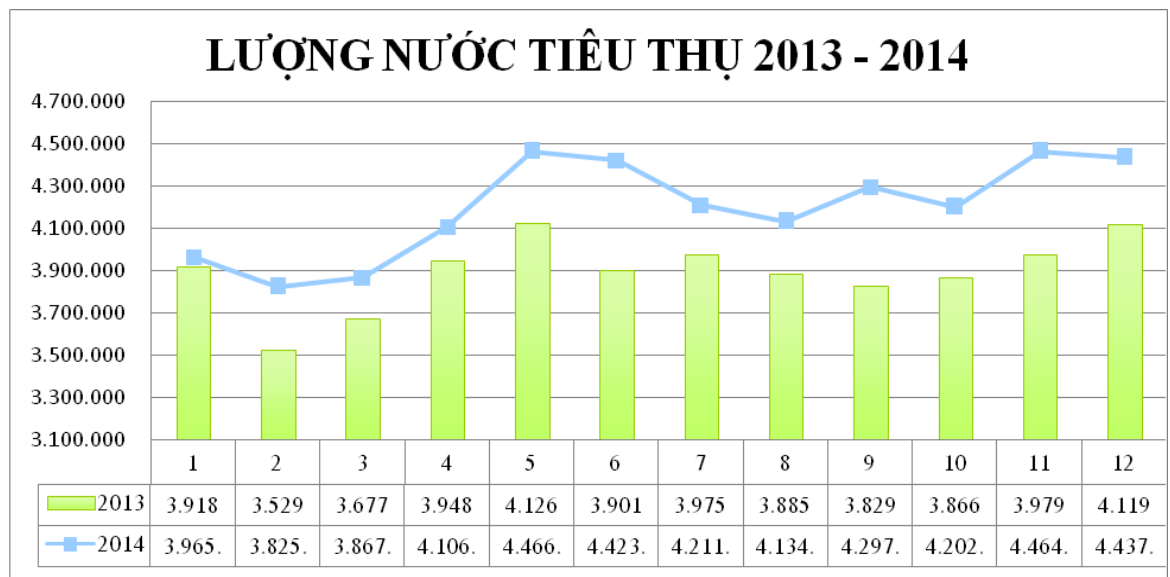
1.1.1. Sản lượng nước cung cấp:

Sản lượng nước cung cấp năm 2014 đạt 50.402.649 m³, bằng 103,42 % so với kế hoạch năm, tăng 3,63 triệu m³ so với năm 2013.

Để đạt được kết quả khả quan như trên, ngay từ đầu năm 2014 Công ty đã có sự đầu tư lớn trong việc thực hiện hai dự án phát triển mạng lưới cấp nước cho khu vực phường Hiệp Bình Chánh và Hiệp Bình Phước; và ba dự án phủ kín mạng lưới cấp nước. Từ việc phát triển mạng lưới kịp thời, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân trên địa bàn đã góp phần làm tăng sản lượng. Năm 2013, lượng nước cung cấp bình quân 3,9 triệu m³/tháng, năm 2014 lượng nước cung cấp bình quân đạt 4,2 triệu m³/tháng.

Công ty cũng đã điều phối 26.478 chuyên xe bồn đến các hộ dân tại khu vực phường Bình Trưng Đông – quận 2; phường Bình Chiểu, Hiệp Bình Phước, Linh TRUNG – quận Thủ Đức; phường Tân Phú, Long Phước – quận 9 với tổng sản lượng nước cung cấp là 564.129 m³

Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty.



1.1.2. Doanh thu:

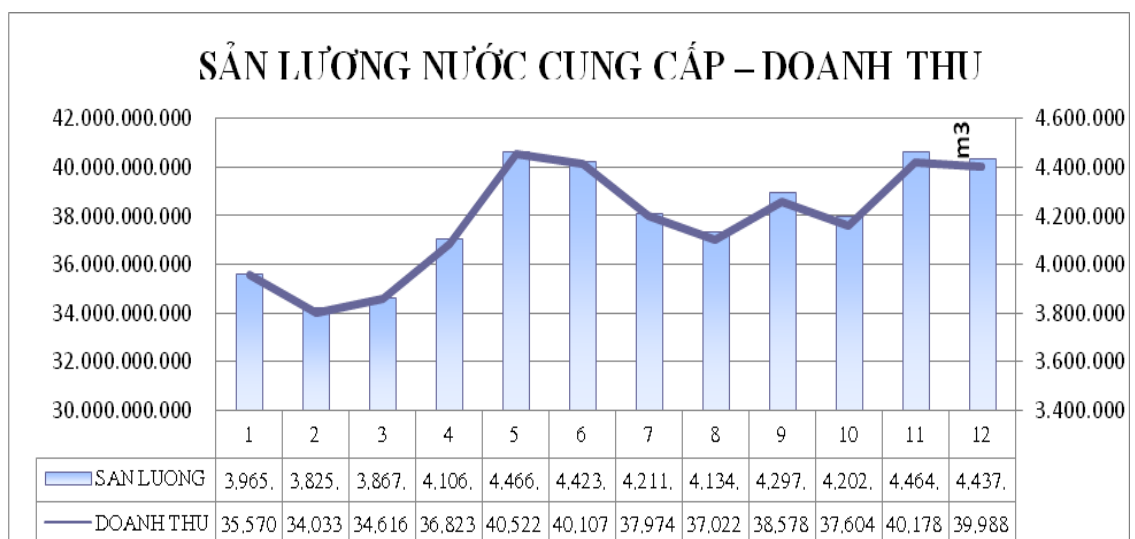
Năm 2014, doanh thu tiền nước đạt 452.231.370.790 đồng bằng 100,15% so với kế hoạch năm, tăng 30,93 tỷ so với năm 2013.

Trong năm 2014 Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác rà soát các địa chỉ có tiêu thụ bằng 0 nhiều kỳ, nhà đóng cửa thường xuyên vì xác định đây là nhóm khách hàng có tiêu thụ thấp, hiệu quả đầu tư không cao, tổn chi phí quản lý. Trong năm Công ty đã cắt tạm 378 đồng hồ, cắt huỷ 564 đồng hồ.

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng cũng được chú trọng thực hiện. Trong năm Công ty đã thực hiện 10.974 lượt điều chỉnh giá biểu, định mức, đúng với thực tế nên đã làm tăng giá bán bình quân của đơn vị; Song song đó để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống. năm 2014 đã thực hiện cấp cho 2.385 nhà trọ (tăng 708 nhà trọ so với năm 2013). Với 58.134 khách hàng đã được cấp định mức.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền. Năm 2014 đã có 89.097 lượt khách hàng thanh toán qua ngân hàng, 107.104 lượt khách hàng thanh toán qua tổ chức thu hộ payoo

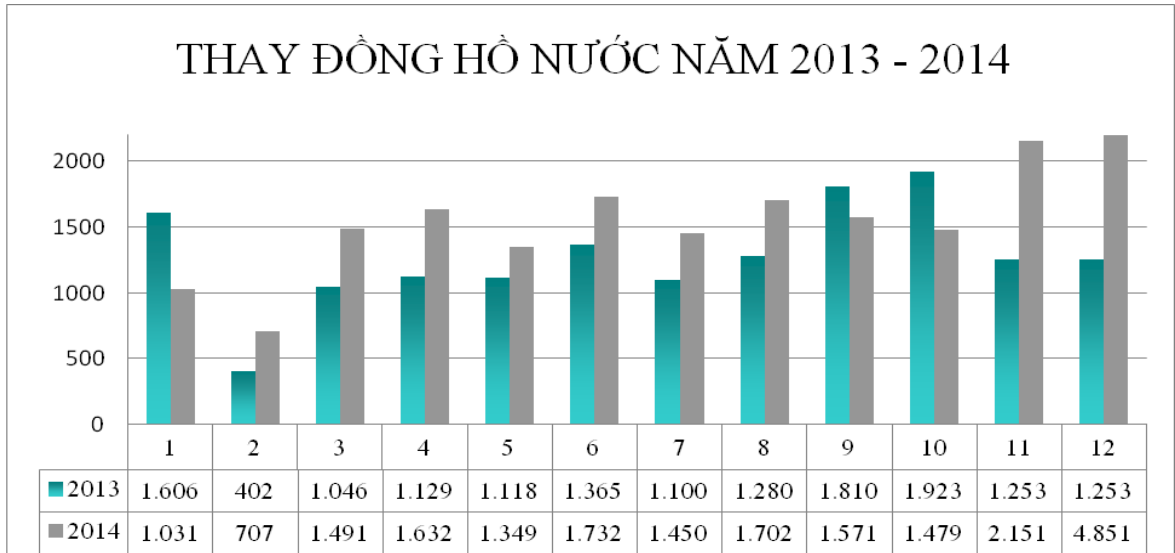
Với nỗ lực rất lớn của tập thể đội Thu tiền cùng với việc nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các phòng, ban, đội như: đội Quản lý đồng hồ nước, Ban Kiểm tra, phòng Kinh doanh, đội Thi công Tu bổ đã giúp cho công tác thực thu năm 2014 đạt 99,68%.



1.1.3. Thay đồng hồ nước:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu thay đồng hồ nước cỡ nhỏ đạt 21.146 cái, bằng 140,97 % kế hoạch năm, thay đồng hồ nước cỡ lớn là 46 cái, đạt 153,33 % kế hoạch năm. Công tác thay đồng hồ nước của Đội thi công tu bổ, kết hợp với công tác kiểm tra sản lượng

nước tiêu thụ thực tế của các đồng hồ cỡ lớn của Ban kiểm tra để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần không nhỏ trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu chung của cả Công ty.

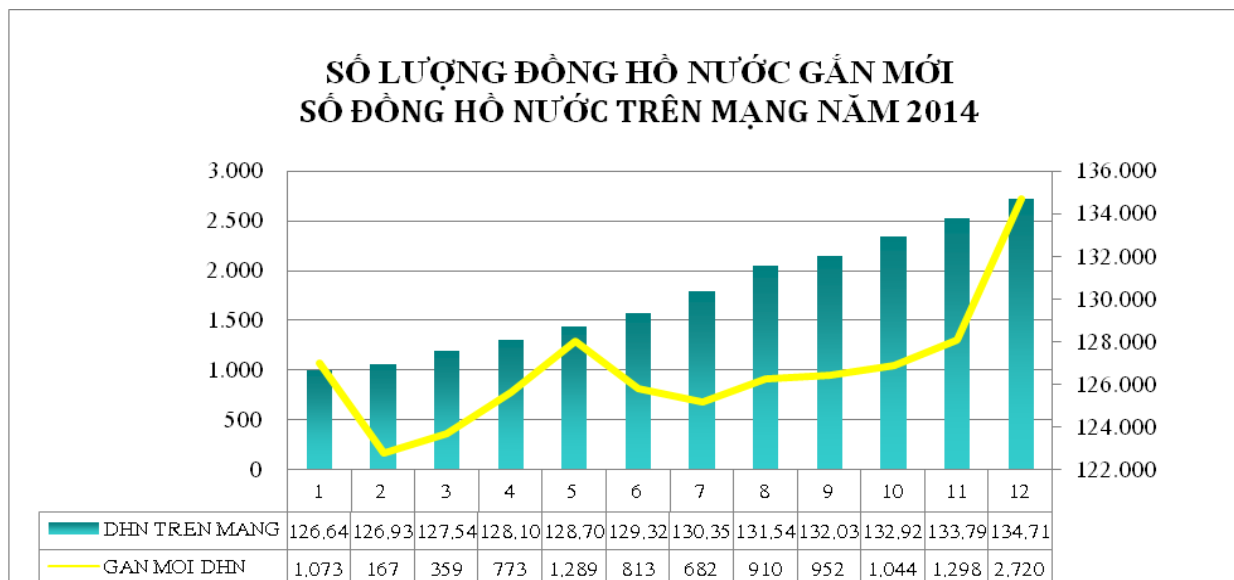


1.1.4. Gắn mới đồng hồ nước:

Công tác gắn mới đồng hồ nước năm 2014 đạt 12.080 đồng hồ, bằng 100,67% so với kế hoạch năm, tăng 911 cái bằng 108,20% so với năm 2013.

Ngay từ đầu năm Công ty đã xác định chỉ tiêu gắn mới đồng hồ nước và sản lượng nước phụ thuộc rất lớn vào việc sớm triển khai các dự án phát triển mạng bằng nguồn vốn của Tổng Công ty. Do các dự án này sẽ cung cấp nước cho những khu vực dân cư tập trung, có khả năng tiêu thụ nước cao. Trong khi đó nguồn nước mặt và nước ngầm tại những khu vực này có chất lượng không đảm bảo.

Công tác gắn mới đồng hồ nước năm 2014 chủ yếu thực hiện tại phường Hiệp Bình Phước, Hiệp Bình Chánh, Bình chiểu – quận Thủ Đức do các dự án phát triển và phủ kín mạng lưới được đầu tư bằng nguồn vốn của Công ty.



1.1.5 Chi tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch

Năm 2014 Công ty được giao chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch là 95,04% (tăng 8,23% so với năm 2013). Lãnh đạo Công ty xác định đây là chỉ tiêu quan trọng đối với Công ty. Thực hiện chỉ tiêu trên, Ban điều hành đã xây dựng nhiều giải pháp vượt qua những khó khăn về nguồn vốn để thực hiện phát triển mạng lưới nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch.

Ngoài ra đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện giao thông phức tạp, khu vực có tình trạng pháp lý chưa rõ ràng, Công ty đã mạnh dạn sử dụng biện pháp cấp nước có tính tạm thời trong khi chờ các dự án phát triển mạng lưới như lắp đặt đồng hồ tổng, đặt bồn. Đến nay Công ty đã lắp được 31 bồn nước và lắp đặt 15 đồng hồ tổng.

Đến cuối năm 2014 tổng số hộ dân đô thị được cấp nước sạch là 246.757 hộ, đạt tỷ lệ 97,60%. Số hộ dân đô thị được cấp nước sạch tăng thêm trong năm 2014 là 36.696 hộ.

1.1.6. Phát triển mạng lưới cấp nước:

Năm 2014 Tổng Công ty có chủ trương đầu tư thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn do Công ty quy lý. Tuy nhiên, do gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối nguồn vốn đầu tư nên tiến độ thực hiện các dự án còn chậm. Đến cuối năm 2014 chỉ thực hiện đến giai đoạn khởi công dự án.

Bằng nguồn vốn của Công ty, năm 2014 Công ty đã hoàn tất thi công và đưa vào sử dụng bảy dự án được 36.070m đạt 88,42% so với kế hoạch năm. Ngoài ra công ty đã thoả thuận khách hàng đầu tư phát triển mạng lưới được 15.494 m. Việc quyết định đầu tư vào các dự án này đã mang lại hiệu quả rất rõ như: giúp Công ty thực hiện phát triển mới hơn 12.000 khách hàng, sản lượng nước cung cấp tăng hơn 3,6 triệu m³ so với năm 2013, nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn do Công ty quản lý.

1.1.7. Cải tạo mạng lưới cấp nước:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2014 Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ba dự án đạt được 6.717m đạt 100,00% kế hoạch năm. Với tổng kinh phí đầu tư hơn 10,2 tỷ đồng.

1.1.8. Công tác quản lý mạng lưới:

Công ty đã sửa chữa kịp thời 5.916 điểm bể (với 5.147 điểm bể nổi và 769 điểm bể ngầm). Tăng 486 điểm bể so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014 trên địa bàn hai quận 9 và Thủ Đức triển khai thi công nhiều công trình hạ tầng giao thông, gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống cấp nước của Công ty.

Sửa chữa, coi 68 van; Di dời, đổi cỡ 890 đồng hồ nước giúp cho công tác biên đọc, điều tiết áp lực, sửa bể và quản lý của đơn vị được thuận lợi hơn.

1.1.9. Công tác tiết kiệm, chống lãng phí :

Thực hiện chủ trương tiết kiệm chống lãng phí, Công ty đạt được một số thành quả sau:

- Công tác mua sắm vật tư: Thực hiện đúng theo quy trình, quy định. Đơn vị được chọn cung cấp hàng hóa là nhà cung cấp có giá chào giá thấp nhất so với các đơn vị còn lại và hàng hóa phải đạt yêu cầu về chất lượng (ít nhất có ba nhà cung cấp).
- Để tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm ngoài việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm cho từng CBCNV, Công ty tiến hành định mức cụ thể cho từng phòng, ban, đội đồng thời tiến hành truy thu tất cả các cuộc gọi sử dụng vào việc riêng, đối với công tác tiết kiệm điện, mỗi phòng, ban đội tiết kiệm 2 giờ không sử dụng máy lạnh (01 giờ buổi sáng và 01 giờ trước khi ra về). Cụ thể Công ty đã tiết kiệm được là 32.512.025 đồng cước sử dụng điện thoại, tiền nước, văn phòng phẩm và chi phí mua sắm phương tiện bảo vệ cá nhân, in ấn.

1.1.10. Công tác Giảm nước thất thoát thất thu

Tỷ lệ thất thoát nước (TTN) thực của Công ty trung bình năm 2014 là 20,31% vượt 1,67% so với kế hoạch năm 2014 và giảm 3,17% so với trung bình năm 2013 là 23,48%.

Tổng lượng nước tiết kiệm qua công tác giảm nước thất thoát thất thu (GNTTTT) của Công ty năm 2014 so với năm 2013 là 1.525.772 m³.

Nhìn chung tỷ lệ TTN trong năm 2014 giảm mạnh và ổn định so với năm 2013

- Công tác nhân rộng vùng GNTTTT:
 - Các khu vực đã triển khai GNTTTT tính đến cuối năm 2013: 13 DMA đang thực hiện tìm hãm ổn định tỷ lệ thất thoát nước.
 - Năm 2014 nhân rộng GNTTTT thêm 06 DMA mới, đã hoàn tất thi công phân vùng tách mạng, lắp đặt đồng hồ tổng, cập nhật dữ liệu đồng hồ nước khách hàng.

Công ty đã triển khai có hiệu quả phương án “Vùng Giảm nước thất thoát thất thu có Caretaker quản lý, tạm chưa có ĐHT cô lập” (áp dụng tại các vùng trọng điểm, có khả năng thất thoát cao nhưng tạm thời chưa thể phân vùng tách mạng).

- Công tác phân vùng tách mạng:

Năm 2014 phân vùng thêm 11 DMA mới, trong đó:

Đang triển khai thực hiện các công tác khảo sát thiết kế vị trí đặt ĐHT và phân vùng tách mạng tại các DMA, làm cơ sở cho việc triển khai nhân rộng GNTTTT gồm:

- Hiệp Bình Chánh 1 - Quận Thủ Đức (hoàn tất lắp đặt ĐHT tiểu vùng)
- Hiệp Bình Chánh 2 - Quận Thủ Đức (đang lắp đặt hàm ĐHT tiểu vùng)
- Phước Long A - Quận 9 (đang lắp đặt hàm ĐHT tiểu vùng)
- Khu Nam Long & Kiến Á - Quận 9 (hoàn tất lắp đặt hàm ĐHT tiểu vùng)
- Long Phước - Quận 9 (hoàn tất lắp đặt ĐHT tiểu vùng)
- Chợ Thủ Đức - Quận Thủ Đức (hoàn tất lắp đặt ĐHT tiểu vùng)
- KP2 Hiệp Bình Phước - Quận Thủ Đức (hoàn tất thi công phân vùng chuẩn bị thực hiện GNTTTT).
- Tăng Nhơn Phú A - Quận 9. (hoàn tất lắp đặt hàm ĐHT tiểu vùng)
- Đình Phong Phú - Quận 9. (hoàn tất lắp đặt hàm ĐHT tiểu vùng)

Đã hoàn thành công tác cập nhật dữ liệu ĐHN khách hàng, lắp đặt ĐHT, hoàn tất hồ sơ phân vùng tách mạng, chuẩn bị thực hiện GNTTTT tại 02 DMA:

- Cư xá Kiến Thiết - Quận Thủ Đức.
- Cư xá Phước Bình - Quận Thủ Đức.

1.2. Những tiến bộ đã đạt được:

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Công ty đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNLD. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản tăng 33,73 tỷ đồng bao gồm tài sản ngắn hạn giảm 2,46 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng 36,19 tỷ đồng. Trong đó, tài sản cố định tăng 13,8 tỷ đồng phần lớn đầu tư thêm tài sản mạng lưới cấp nước và thiết bị và khoảng tiền gửi có kỳ hạn hơn 12 tháng là 22,4 tỷ đồng

Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA)

ROA = Thu nhập trước thuế và lãi vay / tổng tài sản trung bình

Thu nhập trước thuế và lãi vay: 30.909.865.900 + 4.514.539.351 = 35.424.405.251

Tổng tài sản trung bình: (366.787.916.833 + 333.058.142.993)/2 = 349.923.029.913

ROA (năm nay) = 10,12%.

Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần / tổng tài sản trung bình

Năm nay = 465.110.515.453/349.923.029.913 = 1,33lần

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tăng 25,02 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn tăng 10,38 tỷ đồng do tăng khoản phải trả người bán vào cuối năm, và nợ dài hạn tăng 14,64 tỷ đồng phần lớn do chuyển các khoản tiền nhận bồi thường di dời tuyến ống (thời hạn trên 01 năm) từ ngắn hạn sang dài hạn

Tỷ số nợ phải trả trên tổng vốn = Tổng nợ / Tổng nguồn vốn.

Tỷ số nợ phải trả năm nay = 226.332.259.814 / 366.787.916.833 = 61,7%

Tỷ số nợ trên vốn cổ phần = Tổng nợ / Tổng vốn cổ phần

= 226.332.259.814 / 85.000.000.000 = 2,66 lần.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2015

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân, do đó mục tiêu chính của Công ty là nâng cao tỷ lệ người dân được cấp nước sạch. Để thực hiện được mục tiêu này, trong năm 2015 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung liên quan làm tiền đề cho sự phát triển khách hàng tại địa bàn do công ty quản lý.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2014, Công ty định hướng kế hoạch thực hiện năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Ghi chú
I. KẾ HOẠCH SXKD				
A. KINH DOANH :				
1. Nước cung cấp	1000m ³	50.403	54.000	
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	452.231	483.840	
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,68	99	
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	12.080	11.000	
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	21146	17.000	
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	46	50	
7. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	97,60	100,00	
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	20,31	Giảm 1,5%	So với 2014
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước:				
♦ TCTy Cấp nước Sài Gòn đầu tư				
- Số lượng dự án	dự án	6	11	
- Khối lượng đường ống	mét	1.000	57.944	
- Kinh phí đầu tư	Tr.đồng	1.707	92.438	
♦ Công ty đầu tư				
- Số lượng dự án	dự án	7	18	
- Khối lượng đường ống	mét	36.070	33.010	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	52.244	37.800	
2. Sửa chữa ống mục:				
- Số lượng dự án	dự án	3	7	
- Khối lượng đường ống	mét	6.717	17.460	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	10.230	33.789	

PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Năm 2014, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã triển khai nhiều giải pháp có hiệu quả nhằm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch, cụ thể như sau:

1.1 Sản lượng nước tiêu thụ

Sản lượng nước cung cấp năm 2014 đạt 50.402.649 m³, bằng 103,42 % so với kế hoạch năm, tăng 3,63 triệu m³ so với năm 2013.

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã có nhiều giải pháp để phát triển khách hàng, trong đó giảm thủ tục hành chính trong công tác gắn mới đồng hồ nước, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch bằng biện pháp thực hiện gắn đồng hồ nước miễn phí và gắn nhanh trong ngày.

1.2 Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2014 đạt 465.223.903.725 đồng tăng 36.106.586.654 đồng so với thực hiện năm 2013, trong đó:

- Doanh thu cung cấp nước : 453.483.373.595 đồng
- Doanh thu cung cấp đồng hồ nước và dịch vụ khác: 11.740.530.130 đồng.

1.3 Lợi nhuận sau thuế

- Lợi nhuận sau thuế đạt 24.192.210.260 đồng tăng 2.736.128.152 đồng so 2013.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.846 đồng tăng 322 đồng so với năm 2013.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Mặc dù trong năm 2014, Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, nhưng Ban điều hành đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nhất là trong những tháng cuối năm Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Hoài Nam	CT.HĐQT	1.445.000	-		17,00	Chuyên trách
2	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm GD	1.445.000	-		17,00	Điều hành
3	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	1.445.000	-		17,00	Không điều hành
4	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT					Không điều hành
5	Lục Chánh Trường	TV.HĐQT	-	-		-	Không điều hành
6	Nguyễn Ngọc Thái Bình	TV.HĐQT	-	-		-	Không điều hành

1.2 Tóm tắt lý lịch

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
Nguyễn Hoài Nam	Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 11/11/1973. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Kỹ sư Cấp thoát nước. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn: 1.445.000 (17%)
Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên kiêm GD	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 26/01/1970. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 20 đường 13, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, Tp. HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí;

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không. - Cổ phần đại diện Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn: 1.445.000 (17%).
Nguyễn Văn Dụ	Thành viên	- Năm sinh: 02/12/1959. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 67 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp; Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không. - Cổ phần đại diện Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn: 1.445.000 (17%)
Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	- Năm sinh: 13/10/1954. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: Lầu 1, số 8 Bà Huyện Thanh Quan, P6, Q3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: không. - Cổ phần đại diện: Không
Lục Chánh Trường	Thành viên	- Năm sinh: 01/6/1973. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 50-52 F Lý Chiêu Hoàng, P.10, quận 6, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 29/8/1982. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 12/5 Huỳnh Tịnh Của, P8, quận 3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không

1.3 Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiêu ban. Tuy nhiên, ngày 12/8/2013, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết 017/NQ-HĐQT cử thành viên HĐQT phụ trách vấn đề chính sách lương thưởng – nhân sự, chính sách phát triển như sau:

- Ông Huỳnh Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT: Phụ trách Chính sách phát triển.
- Ông Trịnh Tuấn Minh – TV.HĐQT: Phụ trách Lương thưởng; Nhân sự.

Ngày 25/02/2014, Hội đồng quản trị đã thông qua đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT Trịnh Tuấn Minh. Trong phiên họp tới (dự kiến giữa tháng 3 năm 2015), Hội đồng quản trị sẽ cử thành viên phụ trách chính sách lương thưởng, nhân sự thay ông Trịnh Tuấn Minh.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp và ban hành 10 Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung thông qua
1	004/NQ-HĐQT	25/02/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm vị trí thành viên HĐQT đối với ông Trịnh Tuấn Minh. - Tạm bổ nhiệm ông Lục Chánh Trường là thành viên HĐQT - Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.
2	006/NQ-HĐQT	18/3/2014	- Báo cáo tài chính 2013 (kiểm toán).

Stt	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013 trình Đại hội đồng cổ đông. - Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính 2014. - Quỹ lương 2014. - Kế hoạch phân bổ Quỹ khen thưởng Ban điều hành. - Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.
3	010/NQ-HĐQT	16/4/2014	- Chi trả cổ tức năm 2013
4	014/NQ-HĐQT	12/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính Quý 1/2014 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.
5	016/NQ-HĐQT	12/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính quý 2/2014. - Báo cáo tài chính bán niên soát xét. - Kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm.
6	018/NQ-HĐQT	16/10/2014	- Đóng góp ý kiến cho dự thảo dự án Giảm thất thoát nước vùng 4.
7	020/NQ-HĐQT	27/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính quý 3/2014. - Miễn nhiệm, bổ nhiệm CT.HĐQT; Giám đốc công ty.
8	022/NQ-HĐQT	27/10/2014	- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.
9	025/NQ-HĐQT	24/11/2014	- Xếp hạng doanh nghiệp
10	026/NQ-HĐQT	24/11/2014	- Điều chỉnh, bổ sung công trình XDCB.

1.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

1.6 Danh sách các thành viên có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty.

- Nguyễn Hoài Nam – Chủ tịch HĐQT.
- Huỳnh Tuấn Anh –Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.

- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc.
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Kế toán trưởng.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Hoàng Thanh Bình	Thành viên	-	-	-	-
3	Trần Luyện Như An	Thành viên	-	-	-	-
4	Lê Văn Diễn	Thành viên	-	-	-	-

2.2. Tóm tắt lý lịch

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 27/02/1973. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 1623 Phạm Thế Hiển, P6, quận 8, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không
Hoàng Thanh Bình	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 10/02/1975. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 358/6/14 CMT8, phường 10, quận 3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
Trần Luyện Như An	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 18/12/1980. Giới tính: Nữ. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 79/F5A Âu Cơ, phường 14, Q.11, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Môi trường; Cử nhân Quản lý công nghiệp. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không
Lê Văn Diễn	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 11/6/1990. Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: Tam Hiệp, Xuân Hiệp, Xuân Lộc, Đồng Nai. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính. - Cổ phần sở hữu của cá nhân: Không - Cổ phần đại diện: Không

2.3 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm của công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; ...

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp để thảo luận các nội dung sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS	13/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính kiểm toán 2013. - Đóng góp ý kiến cho kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013. - Đóng góp ý kiến cho Kế hoạch tài chính năm 2014. - Đóng góp ý kiến cho kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014.
2	02/BB-BKS	16/5/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra báo cáo tài chính quý 1/2014 - Đề xuất đơn vị kiểm toán BCTC 2014. - Đóng góp ý kiến cho dự thảo Quy chế tài chính (sửa đổi, bổ sung). - Phân công cho thành viên BKS
3	03/BB-BKS	11/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra BCTC quý 2/2014. - Thẩm tra BCTC bán niên soát xét. - Thảo luận công tác sơ kết 6 tháng đầu năm.

III. BAN ĐIỀU HÀNH

3.1 Thành viên và cơ cấu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	-	-	-	-
2	Lâm Tứ Duy	Phó giám đốc	-	-	-	-
3	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	-	-	-	-

3.2. Tóm tắt lý lịch

Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch
Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm GD	- Xem tại mục 1.2 Phần V
Lâm Tứ Duy	Phó GD	- Năm sinh: 04/7/1977. Giới tính: Nam. - Quốc tịch: Việt Nam. - Địa chỉ thường trú: 10/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Trung Chánh, Hóc Môn, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ Kỹ thuật. - Cổ phần sở hữu của bản thân: Không - Cổ phần đại diện: Không.
Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	- Năm sinh: 02/6/1970. Giới tính: Nữ. - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 105/13 đường 8, Kp3 phường Linh Trung, quận Thủ Đức - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. - Cổ phần sở hữu của bản thân: không.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS, BDH

4.1 Thay đổi thành viên HĐQT; BKS; Ban điều hành

Trong năm 2014, đã có những thay đổi trong việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức vụ trong HĐQT; BKS và BDH như sau:

- **Miễn nhiệm**

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Trịnh Tuấn Minh từ ngày 25/02/2014.
- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Quách Trọng Lượng từ ngày 17/4/2014
- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Huỳnh Tuấn Anh. từ ngày 31/10/2014.
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Xuân Cầu từ ngày 01/11/2014.

- Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc đối với ông Nguyễn Hoài Nam từ ngày 31/10/2014.
- **Bổ nhiệm:**
- **Thành viên HĐQT**
- Ông Lục Chánh Trường. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 15/02/2014
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 16/04/2014
- **Chức vụ Chủ tịch HĐQT**
- Ông Nguyễn Hoài Nam. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 31/10/2014.
- **Thành viên BKS:**
- Bà Trần Luyện Như An. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 16/4/2014
- Ông Lê Văn Diễm. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 16/4/2014
- **Chức vụ Giám đốc công ty.**
- Ông Huỳnh Tuấn Anh. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014.

4.2 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2013(BDH)	Ghi chú
1	Nguyễn Hoài Nam	CT.HĐQT	386.810.911	37.000.000	63.485.913	Thu nhập trên chưa trừ thuế thu nhập cá nhân
2	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm GD	456.397.163	41.000.000	76.183.095	Thu nhập trên chưa trừ thuế thu nhập cá nhân
3	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	-	36.000.000	63.485.913	Không là CBCNV của Công ty
4	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT	382.067.203	36.000.000	76.183.095	Thu nhập trên chưa trừ thuế thu nhập cá nhân
5	Trịnh Tuấn Minh	TV.HĐQT	-	6.000.000	63.485.913	Miễn nhiệm ngày 25/02/2014
6	Lục Chánh Trường	TV.HĐQT	-	30.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 25/02/2014
7	Nguyễn Ngọc Thái Bình	TV.HĐQT	-	25.500.000	-	Bổ nhiệm ngày 16/4/2014

4.3 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban Kiểm soát

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2013(BDH)	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	30.000.000	19.220.780	Không là CBCNV của Công ty
2	Quách Trọng Lượng	Thành viên	-	5.250.000	9.610.390	Miễn nhiệm từ 17/4/2014

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2013(BDH)	Ghi chú
3	Hoàng Thanh Bình	Thành viên	207.054.387	18.000.000	9.610.390	Là CBCNV Cty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN
4	Trần Luyện Như An	Thành viên	-	12.750.000	-	Không là CBCNV của Công ty
5	Lê Văn Diễm	Thành viên	-	12.750.000	-	Không là CBCNV của Công ty

4.4 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban điều hành và viên chức quản lý

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2013 (BDH)	Ghi chú
1	Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc				Xem mục 4.2
2	Lâm Tứ Duy	PGĐ	343.243.312	-	63.485.913	Là CBCNV Cty. Thu nhập chưa trừ thuế TNCN.
3	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	362.481.411	-	19.220.780	Là CBCNV Cty. Thu nhập chưa trừ thuế TNCN

4.5 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Người thực hiện giao dịch: Nguyễn Xuân Cầu
- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 3.400 cổ phiếu (0,04%).
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 3.400 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 0 cổ phiếu.
- Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: Theo đợt chào mua công khai từ ngày 08/11/2013 đến ngày 10/12/2013. Đến ngày 03/01/2014 nhận được thông báo của thành viên lưu ký về kết quả giao dịch (Nội dung này đã được báo cáo tại BCTN năm 2013)

4.6 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông nắm giữ 51% cổ phần).

Stt	Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	327/HĐ-TCT-KDDVKH	24/01/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 1, 2 năm 2014	43.679.572.176
2	660/HĐ-TCT-KDDVKH	10/3/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 3, 4 năm 2014	45.086.603.866

Stt	Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
3	1785/HĐ-TCT-KDDVKH	28/5/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 5, 6 năm 2014	47.580.661.490
4	2566/HĐ-TCT-KDDVKH	28/7/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 7, 8 năm 2014	43.725.036.093
5	3552/HĐ-TCT-KDDVKH	16/10/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 9, 10 năm 2014	45.343.661.757
6	4128/HĐ-TCT-KDDVKH	25/11/2014	Mua bán sỉ nước sạch kỳ 11, 12 năm 2014	47.469.213.867
7		31/12/2014	Phụ lục điều chỉnh giá nước mua bán sỉ nước sạch năm 2014	19.015.054.243
Tổng cộng				291.899.803.492

3.6 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014 ĐÃ KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2014 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- HDQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoài Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/10/2014
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/10/2014 Thành viên HĐQT ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dụ	Thành viên	
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2014
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/02/2014
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2014

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Xuân Cầu	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc Kinh doanh	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Giám đốc Kỹ thuật	Miễn nhiệm ngày 31/10/2014

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Huỳnh Tuấn Anh

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015



Số. 06 /2015/UHYACA HCM-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, được lập ngày 13/02/2015, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:

1496-2104-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:

1828-2014-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.148.623.665	125.611.501.026
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.624.185.373	32.597.337.499
Tiền	111		9.624.185.373	4.447.629.273
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	28.149.708.226
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	79.625.775.466	68.700.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		79.625.775.466	68.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.797.403.314	12.711.217.013
Phải thu khách hàng	131		4.066.600.741	5.066.913.885
Trả trước cho người bán	132		778.112.462	903.100.531
Các khoản phải thu khác	135	6	7.192.051.539	8.555.787.456
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.239.361.428)	(1.814.584.859)
Hàng tồn kho	140	7	7.821.166.568	7.665.506.639
Hàng tồn kho	141		7.858.353.419	7.704.427.764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.186.851)	(38.921.125)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.280.092.944	3.937.439.875
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	2.341.200.000	2.210.400.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		986.181.619	1.184.848.234
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	2.278.331.325	218.350.641
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	674.380.000	323.841.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		243.639.293.168	207.446.641.967
Tài sản cố định	220		221.237.661.022	207.440.641.967
Tài sản cố định hữu hình	221	11	201.676.261.027	192.535.820.840
- Nguyên giá	222		452.343.712.611	403.876.639.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.667.451.584)	(211.340.818.872)
Tài sản cố định vô hình	227	12	202.866.878	253.230.103
- Nguyên giá	228		478.280.510	413.390.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.413.632)	(160.160.407)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	19.358.533.117	14.651.591.024
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.395.632.146	-
Đầu tư dài hạn khác	258	14	22.395.632.146	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.000.000	6.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		6.000.000	6.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		366.787.916.833	333.058.142.993


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		226.332.259.814	201.312.668.274
Nợ ngắn hạn	310		108.249.163.039	97.866.860.551
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	13.202.815.566	13.042.573.000
Phải trả người bán	312		42.922.847.011	18.820.214.659
Người mua trả tiền trước	313		4.118.263.664	2.846.325.945
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.165.619.848	1.631.797.129
Phải trả người lao động	315		18.582.974.702	13.872.645.651
Chi phí phải trả	316	17	165.000.000	70.367.941
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	25.473.607.342	46.326.025.026
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.618.034.906	1.256.911.200
Nợ dài hạn	330		118.083.096.775	103.445.807.723
Phải trả dài hạn người bán	331		3.490.046.372	4.536.055.257
Phải trả dài hạn khác	333	19	84.277.909.256	55.391.795.753
Vay và nợ dài hạn	334	20	30.315.141.147	43.517.956.713
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.455.657.019	131.745.474.719
Vốn chủ sở hữu	410	21	140.455.657.019	131.745.474.719
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		22.979.447.888	18.742.461.513
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.500.000.000	7.687.521.051
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.976.209.131	20.315.492.155
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		366.787.916.833	333.058.142.993

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
Tài sản thuê ngoài		35.3	31.626.713.249	18.698.035.830

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015


Nguyễn Thị Ngọc Lành
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng


Huỳnh Tuấn Anh
Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

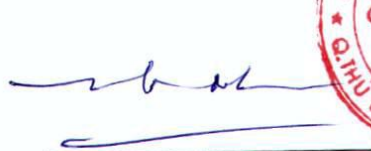
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	465.223.903.725	429.117.317.071
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	23	113.388.272	172.212.740
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	465.110.515.453	428.945.104.331
Giá vốn hàng bán	11	24	285.218.146.066	254.615.619.988
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179.892.369.387	174.329.484.343
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.743.436.232	6.400.809.638
Chi phí tài chính	22	26	4.514.539.351	4.096.585.540
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.514.539.351</i>	<i>4.096.585.540</i>
Chi phí bán hàng	24	27	121.937.735.944	122.494.524.159
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	31.052.591.193	29.137.161.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.130.939.131	25.002.023.162
Thu nhập khác	31	29	2.485.110.902	2.590.680.417
Chi phí khác	32	30	1.706.184.133	467.380.705
Lợi nhuận khác	40		778.926.769	2.123.299.712
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.909.865.900	27.125.322.874
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	6.717.655.640	5.669.240.766
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.192.210.260	21.456.082.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.846	2.524

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015


Nguyễn Thị Ngọc Lành
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng



Huỳnh Tuấn Anh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		30.909.865.900	27.125.322.874
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		39.441.885.937	36.932.495.895
Các khoản dự phòng	3		424.776.569	450.573.256
(Lãi), lỗ hoạt động đầu tư	5		(7.743.436.232)	(6.400.809.638)
Chi phí lãi vay	6		4.514.539.351	4.096.585.540
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		67.547.631.525	62.204.167.927
(Tăng), giảm các khoản phải thu	9		(5.733.004.815)	5.406.395.096
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(153.925.655)	5.401.857.835
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		35.587.493.838	20.984.350.173
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(130.800.000)	(2.200.590.909)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.514.539.351)	(4.131.087.870)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.183.832.921)	(5.640.321.134)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		18.363.657.899	1.464.370.104
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.116.433.630)	(6.481.654.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.666.246.890	77.007.486.366
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61.438.948.013)	(51.305.293.482)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128.072.068.732)	(97.913.906.174)
Tiền thu cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.750.661.120	90.604.221.100
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.352.105.609	2.330.801.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87.408.250.016)	(56.284.177.458)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	20.921.674.674
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.042.573.000)	(10.964.355.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.188.576.000)	(10.152.563.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.231.149.000)	(195.243.606)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.973.152.126)	20.528.065.302
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.597.337.499	12.069.272.197
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	19.624.185.373	32.597.337.499

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Thị Ngọc Lành
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng



Huỳnh Tuấn Anh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 ngày 18/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 vào ngày 10 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 08 Không Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2014 là: 85.000.000.000 đồng, bao gồm:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	51
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)	36.647.200.000	43
Vốn góp của các đối tượng khác	5.002.800.000	6
Cộng	85.000.000.000	100

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (theo địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp nước (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH
2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm 2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (hoặc kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và tạm trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Phương tiện truyền dẫn	10 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	05

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Phần mềm máy vi tính và thiết bị độc mã vạch

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa vào sử dụng. Các tài sản này được khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí sửa chữa ống mục, chi phí thuê nhân công,... Các khoản chi phí này sẽ được quyết toán vào thời điểm cuối năm.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 THUẾ

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo vào Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ, công văn 10235/CT-TTHT ngày 10/10/2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, do Công ty thành lập và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất thuế TNDN được áp dụng là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ 8 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20% (đối với thu nhập của hoạt động kinh doanh chính từ hệ thống cấp nước khi Cổ phần hóa).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ

Các ngành nghề hoạt động có liên quan đến hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp tạo thu nhập là hoạt động kinh doanh nước sạch, hoạt động gắn đồng hồ nước sẽ được áp dụng chính sách ưu đãi thuế. Thu nhập liên quan đến các hoạt động khác không được hưởng chính sách ưu đãi thuế. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kiểm toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong 2014 Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	36.123.686	66.550.879
Tiền gửi ngân hàng	9.588.061.687	4.381.078.394
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	28.149.708.226
Cộng	19.624.185.373	32.597.337.499

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
<i>Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đến 12 tháng:</i>		
Ngân hàng Công Thương	29.988.541.666	15.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Thủ Đức	10.000.000.000	13.500.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Chợ Lớn	20.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng Đông Á	18.500.000.000	19.200.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Miền Đông	1.137.233.800	-
Cộng	<u>79.625.775.466</u>	<u>68.700.000.000</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	399.247.150	399.247.150
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn (*)	2.561.518.041	2.396.310.526
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.551.454.857	3.149.407.588
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	140.000.000	140.000.000
Chi phí thực hiện dự án di dời hệ thống cấp nước vành đai Tân Sơn Nhất	453.083.959	2.435.191.692
Phải thu khác	86.747.532	35.630.500
Cộng	<u>7.192.051.539</u>	<u>8.555.787.456</u>

(*) Là các chi phí phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa như chi phí chi hộ Tổng Công ty, chi phí gắn trụ cứu hỏa, chi phí gắn đồng hồ nước cho hộ nghèo, chi phí quản lý bồn nước...

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.769.403.418	7.649.440.169
Công cụ, dụng cụ	88.950.001	2.090.909
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	52.896.686
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	<u>7.858.353.419</u>	<u>7.704.427.764</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.186.851)	(38.921.125)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	7.821.166.568	7.665.506.639

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Là giá trị còn lại của chi phí Bảo hiểm nhân thọ được phân bổ năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa	2.044.776.481	-
Thuế TNCN nộp thừa	233.554.844	218.350.641
Cộng	2.278.331.325	218.350.641

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	324.380.000	138.841.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	185.000.000
Cộng	674.380.000	323.841.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 K. Hồng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Tổng cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải, truyền dẫn	dụng cụ, quản lý	
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2014	2.440.124.291	4.586.305.106	394.157.885.224	2.692.325.091	403.876.639.712
- Mua trong năm	44.200.000	1.266.780.000	2.096.712.908	122.470.020	3.530.162.928
- Đầu tư XDCB hoàn thành		2.564.224.415	42.372.685.556		44.936.909.971
Tại ngày 31/12/2014	2.484.324.291	8.417.309.521	438.627.283.688	2.814.795.111	452.343.712.611
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	1.652.665.122	2.935.629.858	206.455.978.446	296.545.446	211.340.818.872
- Khấu hao trong năm	114.083.619	704.696.361	37.978.805.461	529.047.271	39.326.632.712
Tại ngày 31/12/2014	1.766.748.741	3.640.326.219	244.434.783.907	825.592.717	250.667.451.584
Giá trị còn lại của TSCĐHH					
Tại ngày 01/01/2014	787.459.169	1.650.675.248	187.701.906.778	2.395.779.645	192.535.820.840
Tại ngày 31/12/2014	717.575.550	4.776.983.302	194.192.499.781	1.989.202.394	201.676.261.027

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.869.078.817 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, khấu hao trong 3 năm.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	19.358.533.117	14.651.591.024
Trong đó:		
- <i>Chi phí xây dựng công trình</i>	<i>19.358.533.117</i>	<i>14.650.436.024</i>
+ Di dời các tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi Đoạn 1	92.980.025	3.196.731.531
+ Di dời đường ống cấp nước phía trái tuyến trên Xa Lộ Hà Nội	53.248.161	2.277.492.739
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước các hẻm P.Hiệp Bình Phước - Thủ Đức Đợt 2	-	1.585.342.387
+ Di dời tuyến ống cấp nước phía trái Xa lộ Hà Nội (QH-GVM)	-	1.043.368.058
+ Lắp đặt Đồng hồ tổng	1.367.808.575	844.269.446
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 8	7.018.698.025	-
+ Lắp đặt mạng lưới cấp nước khu dân cư Sông Đà	363.780.546	601.498.272
+ Các thiết bị theo dõi áp lực và đồng hồ tổng	-	209.520.000
+ Di dời tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất-Bình Lợi Đoạn 2	3.244.031.259	1.582.224.678
+ Phát triển mạng lưới Phường Long Bình - Tân Phú Q9	698.713.183	698.713.183
+ Phát triển mạng lưới cấp nước các hẻm lẻ phải TL 43 - P. Bình Chiểu	675.556.906	594.310.851
+ Phát triển mạng lưới cấp nước P. Trường Thọ - Đợt 4/2005	-	286.511.703
+ Phát triển mạng lưới cấp nước P. Linh Chiểu - Đợt 1/2005	4.763.256	4.763.256
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 5	-	400.100.163
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 7	-	132.386.571
+ Di dời tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất-Bình Lợi Đoạn 3	3.189.767.406	167.816.626
+ Đấu nối các công trình phát triển mạng lưới cấp nước mạng BOO	-	120.785.389
+ Di dời ĐOCN XL Hà Nội phía phải và phía trái	170.953.655	-
+ LĐT TOCN D200 UPVC DG 990 P.Phú Hữu Q9	97.527.873	-
+ PTMLCN P. Linh Trung QTĐ (COCA COLA)	887.987.780	-
+ LĐT MLCN KDC Bình Dân KP7 - HBC - Q.Đ	735.791.500	-
+ SCOM Lề phải đường Lê Văn Việt Q9	177.598.212	-
+ SCOM Lề trái đường Lê Văn Việt Q9	121.353.842	-
+ Các công trình khác	457.972.913	904.601.171
- <i>Xây dựng cơ bản - thiết bị</i>	-	<i>1.155.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
<i>Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng:</i>		
Ngân hàng Đông Á	18.000.000.000	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.395.632.146	-
Cộng	22.395.632.146	-

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	13.202.815.566	13.042.573.000
Cộng	13.202.815.566	13.042.573.000

(*): Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.165.619.848	1.631.797.129
Cộng	2.165.619.848	1.631.797.129

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê nhân công	-	63.711.329
Tiền điện thoại, internet, nhiên liệu và chi phí khác	165.000.000	6.656.612
Cộng	165.000.000	70.367.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.265.457	27.265.457
Kinh phí công đoàn	86.529.074	61.543.858
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.441.535.959	1.029.364.212
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.087.279.817	1.060.338.432
Cổ tức phải trả	109.786.646	98.362.646
Phí bảo vệ môi trường	4.575.713.362	4.372.387.773
Chi phí tự thực hiện	889.762.296	3.305.155.346
Công ty CP Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	-	22.838.430.783
Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1 (*)	12.904.761.716	12.904.761.716
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	1.698.403.035	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.652.569.980	628.414.803
Cộng	25.473.607.342	46.326.025.026

(*): Là khoản thu tiền bồi thường di dời tuyến ống cấp nước, sẽ ghi tăng vào thu nhập khác khi hoàn tất hồ sơ bàn giao mặt bằng.

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải trả về giá trị tài sản viện trợ	33.003.950	33.003.950
Ban Quản lý cải tạo Kênh Ba Bò (*)	13.410.369.152	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (*)	22.838.430.783	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (**)	47.996.105.371	55.358.791.803
Cộng	84.277.909.256	55.391.795.753

(*): Là khoản thu tiền bồi thường di dời tuyến ống cấp nước, sẽ ghi tăng vào thu nhập khác khi hoàn tất hồ sơ bàn giao mặt bằng.

(**): Là các khoản phải trả Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Công ty TNHH MTV theo biên bản quyết toán chuyển thể năm 2007.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Là các khoản vay Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn theo từng hợp đồng vay cụ thể, mức lãi suất từ 5,4%/năm đến 11,4%/ năm. Thời gian vay 10 năm, thời gian ân hạn là 1 năm. Mục đích vay là đầu tư phát triển mạng cấp 3. Các khoản vay này không yêu cầu tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	43.350.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)	36.647.200.000	36.647.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.002.800.000	5.002.800.000
Cộng	85.000.000.000	85.000.000.000

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000

21.3 CỔ TỨC

Công ty chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12% trên mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	85.000.000.000	14.792.631.775	6.166.210.238	19.374.067.460	125.332.909.473
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	21.456.082.108	21.456.082.108
- Phân phối lợi nhuận 2012: trích lập Quỹ ĐTPT, DPTC	-	2.809.239.782	1.521.310.813	(4.330.550.595)	-
- Thuế TNĐN được miễn giảm	-	1.140.589.956	-	(1.140.589.953)	3
- Phân phối lợi nhuận 2012: trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.843.516.865)	(4.843.516.865)
- Phân phối lợi nhuận 2012: chia cổ tức	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	85.000.000.000	18.742.461.513	7.687.521.051	20.315.492.155	131.745.474.719
Tại ngày 01/01/2014	85.000.000.000	18.742.461.513	7.687.521.051	20.315.492.155	131.745.474.719
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	24.192.210.260	24.192.210.260
- Phân phối lợi nhuận 2013: Trích lập Quỹ ĐTPT, Quỹ DPTC (*)	-	4.236.986.375	812.478.949	(5.049.465.324)	-
- Phân phối lợi nhuận 2013: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(5.282.027.960)	(5.282.027.960)
- Phân phối lợi nhuận 2013: Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	85.000.000.000	22.979.447.888	8.500.000.000	23.976.209.131	140.455.657.019

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 số 009/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp nước	453.483.373.595	421.413.753.748
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước và doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.740.530.130	7.703.563.323
Cộng	465.223.903.725	429.117.317.071

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	113.388.272	172.212.740
<i>Trong đó:</i>		
+ Giảm giá hàng bán	55.095.791	99.642.179
+ Hàng bán bị trả lại	58.292.481	72.570.561
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	465.110.515.453	428.945.104.331
+ Doanh thu cung cấp nước	453.419.872.395	421.254.525.124
+ Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước và doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.690.643.058	7.690.579.207

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp nước	278.905.291.623	250.609.490.857
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước	6.312.854.443	4.006.129.131
Cộng	285.218.146.066	254.615.619.988

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.743.436.232	6.400.809.638
Cộng	7.743.436.232	6.400.809.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	4.514.539.351	4.096.585.540
Cộng	4.514.539.351	4.096.585.540

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	40.139.762.801	34.296.761.795
Chi phí nguyên vật liệu (*)	37.910.614.902	49.648.674.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.683.501.822	36.537.809.632
Chi phí thuê tài sản	4.136.389.085	1.869.803.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	1.067.467.334	141.474.314
Cộng	121.937.735.944	122.494.524.159

(*): Là chi phí thay đồng hồ nước, gắn đồng hồ nước miễn phí, chi phí sửa chữa ống mục, chi phí sửa bể.

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.837.736.201	16.101.538.159
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng quản lý	545.612.590	945.311.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	758.384.115	394.686.263
Thuế phí, lệ phí	116.976.409	94.376.043
Chi phí dự phòng	424.776.569	450.573.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.377.749.539	3.045.292.196
Chi phí bằng tiền khác	7.991.355.770	8.105.383.483
Cộng	31.052.591.193	29.137.161.120

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bồi thường di dời, phạt vi phạm hợp đồng	19.396.800	1.256.458.287
Nhượng bán vật tư ngành nước	507.390.362	289.192.154
Truy thu tiền nước	1.842.153.900	955.590.514
Thu tiền kiểm định đồng hồ nước	45.020.565	39.353.283
Thu nhập khác	71.149.275	50.086.179
Cộng	2.485.110.902	2.590.680.417

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nhượng bán TSCĐ, vật tư ngành nước	507.616.359	284.510.979
Chi phí cho công tác truy thu tiền nước	320.810.774	175.596.131
Chi phí bồi thường, vi phạm hợp đồng	867.062.104	-
Chi phí khác	10.694.896	7.273.595
Cộng	1.706.184.133	467.380.705

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.909.865.900	27.125.322.874
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập	606.755.780	114.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế, trong đó:	31.516.621.680	27.239.322.874
+ Thu nhập chịu thuế thuế suất 20%	10.800.056.478	22.811.799.064
+ Thu nhập chịu thuế thuế suất 25%	-	4.427.523.810
+ Thu nhập chịu thuế thuế suất 22%	20.716.565.202	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó:	6.933.656.769	6.809.830.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 5%	-	1.140.589.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 2%	216.001.129	-
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	6.717.655.640	5.669.240.766

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.192.210.260	21.456.082.108
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.192.210.260	21.456.082.108
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.846	2.524

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN (TIẾP)

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.624.185.373	32.597.337.499
Đầu tư ngắn hạn	79.625.775.466	68.700.000.000
Phải thu khách hàng	1.827.239.313	3.252.329.026
Đầu tư dài hạn khác	22.395.632.146	-
Phải thu ngắn hạn khác	7.192.051.539	8.555.787.456
Cộng	130.664.883.837	113.105.453.981
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	46.412.893.383	23.356.269.916
Các khoản vay	43.517.956.713	56.560.529.713
Chi phí phải trả	165.000.000	70.367.941
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.473.607.342	46.326.025.026
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	84.277.909.256	55.391.795.753
Cộng	199.847.366.694	181.704.988.349

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này bằng cách thường xuyên theo dõi biến động của tỷ giá hối đoái, biến động của thị trường ... để kịp thời ứng phó cho từng giai đoạn cụ thể.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn để đầu tư phát triển mạng cấp 3, chịu lãi suất đã được ký kết theo từng hợp đồng. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Tuy vậy, Công ty không chịu rủi ro lãi suất lớn do Công ty có chính sách duy trì lãi suất cố định cho tất cả các khoản vay dài hạn. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Do đặc thù kinh doanh của công ty là cung cấp nước cho địa bàn Quận Thủ Đức và các vùng lân cận. Công ty mua nước từ nguồn chủ yếu là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn nên về đơn giá mua phụ thuộc nhiều vào đơn giá của Tổng công ty.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán	42.922.847.011	3.490.046.372	46.412.893.383
Các khoản vay	13.202.815.566	30.315.141.147	43.517.956.713
Chi phí phải trả	165.000.000	-	165.000.000
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.473.607.342	-	25.473.607.342
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	84.277.909.256	84.277.909.256
Cộng	81.764.269.919	118.083.096.775	199.847.366.694

Tại 01/01/2014

Phải trả người bán	18.820.214.659	4.536.055.257	23.356.269.916
Các khoản vay	13.042.573.000	43.517.956.713	56.560.529.713
Chi phí phải trả	70.367.941	-	70.367.941
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	46.326.025.026	-	46.326.025.026
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	55.391.795.753	55.391.795.753
Cộng	78.259.180.626	103.445.807.723	181.704.988.349

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền và tương đương tiền	19.624.185.373	-	19.624.185.373
Đầu tư ngắn hạn	79.625.775.466	-	79.625.775.466
Phải thu khách hàng	1.827.239.313	-	1.827.239.313
Đầu tư dài hạn	-	22.395.632.146	22.395.632.146
Phải thu ngắn hạn khác	7.192.051.539	-	7.192.051.539
Cộng	108.269.251.691	22.395.632.146	130.664.883.837

Tại 01/01/2014

Tiền và tương đương tiền	32.597.337.499	-	32.597.337.499
Đầu tư ngắn hạn	68.700.000.000	-	68.700.000.000
Phải thu khách hàng	3.252.329.026	-	3.252.329.026
Phải thu ngắn hạn khác	8.555.787.456	-	8.555.787.456
Cộng	113.105.453.981	-	113.105.453.981

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty. Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014	Cấp nước	Lắp đặt đồng hồ	Cộng VND
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	453.483.373.595	11.740.530.130	465.223.903.725
Giảm trừ doanh thu	63.501.200	49.887.072	113.388.272
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	453.419.872.395	11.690.643.058	465.110.515.453
Giá vốn bộ phận	278.905.291.623	6.312.854.443	285.218.146.066
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	174.514.580.772	5.377.788.615	179.892.369.387
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (*)	-	-	(152.990.327.137)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	26.902.042.250
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	7.743.436.232
Chi phí tài chính	-	-	(4.514.539.351)
Thu nhập khác	-	-	2.485.110.902
Chi phí khác	-	-	(1.706.184.133)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(6.717.655.640)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	24.192.210.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2013	Cấp nước VND	Lắp đặt đồng hồ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.413.753.748	7.703.563.323	429.117.317.071
Giảm trừ doanh thu	159.228.624	12.984.116	172.212.740
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.254.525.124	7.690.579.207	428.945.104.331
Giá vốn bộ phận	250.609.490.857	4.006.129.131	254.615.619.988
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.645.034.267	3.684.450.076	174.329.484.343
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (*)	-	-	(151.631.685.279)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	22.697.799.064
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	6.400.809.638
Chi phí tài chính	-	-	(4.096.585.540)
Thu nhập khác	-	-	2.590.680.417
Chi phí khác	-	-	(467.380.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(5.669.240.766)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	21.456.082.108

(*): Bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty không theo dõi riêng biệt theo từng bộ phận.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn và Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE). Trong kỳ, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với bên liên quan cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Mua hàng từ các bên liên quan	289.633.240.127	256.380.205.103
Bán hàng từ các bên liên quan	2.730.540.898	-
Lãi vay từ các bên liên quan	4.514.539.351	4.096.585.540

Số dư với các bên liên quan

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	2.561.518.041	2.396.310.526
Trả trước người bán	156.063.820	-
Phải trả cho người bán	34.071.221.327	15.589.798.041
Phải trả ngắn hạn khác	1.087.279.817	1.060.338.432
Phải trả dài hạn khác	48.029.109.321	55.391.795.753
Các khoản vay	43.517.956.713	56.560.529.713
Phải thu về cổ phần hóa	399.247.150	399.247.150

35.2 THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	872.134.094	795.623.628
Ban Giám đốc	1.416.512.569	1.283.485.874
Ban Kiểm soát	333.245.947	285.673.636
Cộng	2.621.892.610	2.364.783.138

35.3 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Tài sản cố định thuê ngoài là mạng lưới cấp nước của Tổng Công ty đầu tư nằm trong khu vực Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức khai thác và sử dụng, được thuê theo hợp đồng số 285 ngày 22/01/2014 và Phụ lục số 1174 ngày 15/4/2014.

35.4 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Từ, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.5 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.


35.6 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.


35.7 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Thị Ngọc Lành
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng



Huỳnh Tuấn Anh
Giám đốc

